TỈNH ỦY BẮC NINH * Số 22-CTr/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Bắc Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2026*

CHƯƠNG TRÌNH
phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030 như sau:

I- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát triển bền vững, toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư hỗ trợ của Trung ương, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của các xã, ưu tiên bố trí nguồn ngân sách tỉnh để phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, nguồn nhân lực, tăng cường chất lượng dịch vụ công vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh công tác giảm nghèo đa chiều, nhanh, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân; thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với vùng khác trong tỉnh, xây dựng nông thôn mới thực chất, gắn với thích ứng biến đổi khí hậu. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều tại các xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân tối thiểu 1,5%/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều các xã đặc biệt khó khăn xuống dưới

10%, phấn đấu đến năm 2030 không còn hộ nghèo; thu nhập bình quân của người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi gấp 2 lần năm 2025.

- Cơ bản không còn các xã đặc biệt khó khăn; 40% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã; đường đến trung tâm xã được nâng cấp, cải tạo, mở rộng; 100% các xã, thôn, bản bảo đảm giao thông trong mùa mưa lũ; 100% đường trục xã, liên xã, 90% đường trục thôn, liên thôn, 80% đường ngõ xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa bảo đảm tiêu chuẩn; 80% kênh mương được kiên cố hóa; 75% diện tích trồng lúa nước và cây hàng năm được tưới tiêu chủ động.

- 100% dân số vùng dân tộc thiểu số và miền núi tham gia bảo hiểm y tế. 100% xã đạt và duy trì bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2026 - 2030; tỷ lệ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được sử dụng nước sạch đạt 60%.

- 98% trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học - trung học cơ sở, trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó, có ít nhất 30% đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, thành lập mới 03 - 05 trường bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại xã đặc biệt khó khăn; 5% học sinh vùng dân tộc thiểu số và miền núi được học tập tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông nội trú.

- Hoàn thành 100% việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho toàn bộ diện tích rừng có chủ quản lý đủ điều kiện. Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh, phát triển rừng trồng gỗ lớn và mở rộng diện tích rừng đạt chứng chỉ bền vững quốc tế (FSC).

- 100% xã, thôn có nhà văn hóa, trong đó, có ít nhất 80% nhà văn hóa đạt chuẩn; quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ tiếp cận thông tin về công nghệ số, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung phát triển thương mại miền núi; 100% trưởng thôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, đặc sản địa phương (OCOP); phấn đấu có 30% sản phẩm OCOP là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

II- PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi

Chương trình thực hiện trên địa bàn 30 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó: 19 xã khu vực III: Vân Sơn, An Lạc, Sơn Động, Dương Hưu, Tây Yên Tử, Tuấn Đạo, Yên Định, Đại Sơn, Biển Động, Đèo Gia, Biên Sơn, Tân Sơn, Sa Lý, Sơn Hải, Trường Sơn, Lục Sơn, Tam Tiến, Đồng Kỳ, Xuân Lương; 02 xã khu vực II: Nghĩa Phương, Nam Dương; 09 xã khu vực I: Bảo Đài, Kiên Lao, Bố Hạ, Yên Thế, Phượng Sơn, Chũ, Kép, Đông Phú, Lục Ngạn và 09 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc 03 xã (Lạng Giang, Nhã Nam, Cẩm Lý không là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

3. Đối tượng thụ hưởng của Chương trình

- Xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Hộ gia đình, người dân, cộng đồng dân cư tại các thôn, bản, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số; hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo người dân tộc Kinh sinh sống tại các thôn, bản, xã đặc biệt khó khăn.

- Các cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị quân đội, các tổ chức kinh tế hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các đơn vị sự nghiệp công hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc; các trường học, trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường có học sinh bán trú; các trung tâm y tế, trạm y tế xã; các di tích, dự án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch tại các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

III- NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tập trung xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển vùng đồng bào dân tộc thiêu số và miền núi

Giải quyết dứt điểm, kịp thời những vấn đề cấp thiết, quan trọng trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như:

- Đầu tư xây dựng các ngầm tràn, đường tránh lũ, cầu qua sông, suối trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên xã, liên thôn, đường vào các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã, liên xã, cứng hóa đường thôn, liên thôn (các đoạn đường đất chưa được nhựa hóa bê tông hóa). Tập trung vào các

tuyến đường kết nối các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu; tuyến kết nối các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới các công trình thủy lợi hồ, đập, kênh mương để giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho Nhân dân.

- Đầu tư xây dựng các dự án nhà máy nước sạch tập trung để đạt được mục tiêu người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được sử dụng nước sạch.

- Xây dựng các công trình kè chống sạt lở; dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư; khu tái định cư hoặc hỗ trợ tái định cư xen ghép để bảo đảm di dời các hộ dân đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp trường học, cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập cho các trường tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp trường bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã đặc biệt khó khăn; đầu tư cơ sở vật chất cho các trường dân tộc nội trú, bảo đảm có đủ cơ sở vật chất, trường lớp để tổ chức dạy và học 02 buổi/ngày cho học sinh trong độ tuổi đến trường;

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trạm y tế các xã để đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2026 - 2030; cải tạo, nâng cấp các trung tâm y tế khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đầu tư xây dựng nhà văn hóa xã, thôn, bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân. Hoàn thiện hạ tầng du lịch tại các điểm đến nhằm thúc đẩy du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng phát triển.

- Hỗ trợ, tập huấn, đầu tư hạ tầng số để doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có thể bán hàng trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp các hệ thống điện tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, vận hành ổn định, khắc phục tình trạng điện yếu, phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng thu nhập, nâng mức sống cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số; ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất hàng hóa

- Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác xã nông nghiệp, trang trại, phát triển thương hiệu, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số; có cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích, thu hút nguồn vốn từ các thành phần

kinh tế đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là nguồn lực trong khối tư nhân đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ...

- Nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất theo quy trình đạt chất lượng VietGAP, GlobalGAP, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với bảo vệ môi trường và giảm nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh đầu tư, các hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là những vùng sản xuất tập trung, khai thác triệt để tiềm năng đất đai để phát huy lợi thế, phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, nhất là trâu, bò, ngựa... Ứng dụng mô hình công nghệ số trong tiêu thụ nông sản.

- Lựa chọn một số xã làm điểm hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi phù hợp, cho vay vốn dài hạn, hỗ trợ Nhân dân quản lý vốn, tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng chuỗi sản xuất khép kín có sự tham gia của "4 nhà" (nhà nước, nhà khoa học, nhà nông và doanh nghiệp).

- Kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác khoáng sản, hạn chế mức thấp nhất những tác động đến môi trường sinh thái, cảnh quan tự nhiên.

- Tổ chức tập huấn cho người có uy tín, bí thư chi bộ, ban phát triển thôn và cộng đồng về chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thông tin, chuyển đổi số.

3. Phát triển giáo dục đào tạo, y tế; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Mở rộng dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số; bảo tồn và phát huy tiếng dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 75/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2025 - 2030. Tăng quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, bảo đảm chất lượng đội ngũ giáo viên, các điều kiện sinh hoạt của học sinh, xóa bỏ các lớp học cắm bản.

- Phát triển toàn diện nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số về thể lực, trí lực và tác phong kỷ luật. Có chính sách thu hút đầu tư và khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, nhu cầu thị trường lao động công nghệ cao, hiện đại.

- Từng bước chuẩn hoá đội ngũ y, bác sĩ tuyến xã; nâng cao chất lượng, điều kiện phục vụ, hoạt động của y tế cơ sở; chú trọng công tác y tế dự phòng, nâng cao kiến thức cho người dân về vấn đề an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, đuổi nước trẻ em, tảo hôn trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Quan tâm bảo tồn, giữ gìn, phục hồi và phát triển các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện nếp sống văn minh, tiết kiệm, tránh lãng phí trong một số lễ nghi. Đầu tư nâng cấp các thiết chế văn hoá ở cơ sở, nhân rộng các thôn, bản văn hóa tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Khuyến khích các địa phương, doanh nghiệp tư nhân phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái bền vững; hỗ trợ vốn và đào tạo kỹ năng du lịch, bảo tồn văn hóa để đưa du lịch cộng đồng thực sự trở thành mũi nhọn kinh tế.

4. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt được trong giai đoạn 2026-2030; xây dựng kế hoạch cụ thể bảo đảm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của Chương trình.

5. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

Tổng nguồn vốn dự kiến đầu tư thực hiện trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 25.000 tỷ đồng (trong đó, nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình 4.000 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đối ứng ngân sách tỉnh, nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 13.000 tỷ đồng; nguồn vốn xã hội hóa, vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội và Nhân dân đóng góp khoảng trên 8.000 tỷ đồng).

Trong quá trình điều hành, UBND tỉnh ưu tiên cân đối ngân sách tỉnh bổ sung cho Chương trình để có đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

IV- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, điều hành của chính quyền, chất lượng hoạt động của mặt trận Tổ quốc các cấp. Phát huy tốt vai trò của người có uy tín trong công tác thông tin hai chiều giữa cấp ủy, chính

quyền, mặt trận Tổ quốc cấp xã để nắm bắt tình hình Nhân dân, tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức, bổ sung kiến thức, kinh nghiệm để các hộ nghèo, cận nghèo tự vươn lên thoát nghèo, ngăn chặn tình trạng tái nghèo; khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo, không ỷ lại vào đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước.

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi các chính sách pháp luật về đất đai, bảo vệ và phát triển rừng, kiến thức pháp luật có liên quan để Nhân dân hiểu, tự giác thực hiện; nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, tập trung thu gom, xử lý rác thải; vận động các hộ dân bố trí khu chăn nuôi, vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh môi trường nông thôn.

- Thường xuyên nắm chắc tình hình Nhân dân, tập trung giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện ngay từ cơ sở, không để xảy ra điểm nóng, những vấn đề phức tạp về an ninh trật tự.

2. Giải pháp về huy động vốn, lồng ghép vốn của Chương trình và các chương trình mục tiêu thực hiện trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời; UBND tỉnh cân đối ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các xã đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương: Tỉnh lập kế hoạch trung hạn và hàng năm báo cáo, đề xuất Trung ương bố trí vốn ngân sách Trung ương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

- Đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh: Tập trung huy động nguồn lực, ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trọng tâm tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Đồng thời, quản lý chặt chẽ nguồn vốn để bảo đảm sử dụng có hiệu quả, không để lãng phí, thất thoát, sai phạm. Ưu tiên thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

- Đối với nguồn vốn tín dụng:

+ Ngoài nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội được Trung ương bố trí đối với tỉnh Bắc Ninh, tỉnh có cơ chế, chính sách ưu tiên bố trí vốn từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung cụ thể theo chương trình, đề án được phê duyệt, trong đó, vốn ủy thác địa phương theo tinh thần Kết luận 16-KL/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tạo "động lực kép" đáp ứng đủ nhu cầu vay cho các chương trình, địa bàn dân tộc thiểu số và miền núi trọng điểm.

+ Tăng cường sử dụng nguồn vốn tín dụng theo các chính sách tín dụng, phát triển tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới... để hỗ trợ đầu tư phát triển tại các địa bàn thuộc phạm vi của Chương trình. Tăng mạnh vốn Trung ương, đa dạng hóa huy động vốn tại chỗ từ dân cư, doanh nghiệp; lan tỏa phong trào "Chung tay vì người nghèo".

- Vốn ngân sách xã: Các địa phương xác định cụ thể và chủ động lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách, chủ động trong việc đề xuất phân bổ chi tiết, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn để thực hiện có hiệu quả Chương trình.

- Đối với nguồn vốn xã hội hóa và người dân đóng góp: Thực hiện phân công các cơ quan, sở, ban, ngành, doanh nghiệp giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn; tuyên truyền, kêu gọi, vận động cộng đồng, người dân ngay tại các địa phương thuộc phạm vi của Chương trình có trách nhiệm tích cực, chủ động tham gia đóng góp nhân lực, vật lực để xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất và thực hiện các mục tiêu của Chương trình. Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn xã hội hóa phải được thực hiện bảo đảm đúng mục đích, khách quan, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

2.2. Cơ chế lồng ghép được tổ chức thống nhất theo các nguyên tắc quy định của cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng địa bàn. Lồng ghép nguồn vốn ngân sách tỉnh với nguồn vốn ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác theo cơ cấu vốn đã được xác định cụ thể tại dự án để triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ và hiệu quả sử dụng vốn. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương hỗ trợ, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp với các nội dung khác.

3. Giải pháp về chính sách

- Tham mưu hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung các chính sách hiện có và ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình đồng bộ, thống nhất theo địa bàn, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động cho các xã.

- Tham mưu xây dựng và ban hành các chính sách đặc thù của địa phương, các đề án, chính sách, kế hoạch để phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục thực hiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Xây dựng cơ chế và triển khai thực hiện các chính sách, đề án hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động; gắn kết và huy động doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh, trong đó, có cơ chế hỗ trợ tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất cho hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số đầu tư cải tạo nhà ở làm homestay, mua sắm trang thiết bị, phát triển dịch vụ du lịch; đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư, liên kết phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Tăng cường công tác hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể và bảo hộ sở hữu trí tuệ các sản phẩm OCOP. Hỗ trợ chủ thể OCOP thực hiện chuẩn hóa quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ… Khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới mẫu mã, bao bì cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

4. Giải pháp về khoa học công nghệ, chuyển đổi số

- Phát triển hạ tầng viễn thông, xóa các "vùng lõm" sóng di động, phủ kín Internet cáp quang. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông, Internet, hạ tầng số tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, bảo đảm người dân được tiếp cận kinh tế số, dịch vụ số.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời, chính xác.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển sản phẩm OCOP, truy xuất nguồn gốc, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh tiếp cận các nền tảng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, từng bước hình thành kinh tế số ở khu vực nông thôn, miền núi.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực khoa học - công nghệ, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc và cán bộ cơ sở. Tăng cường phổ cập kỹ năng số cho đồng bào dân tộc thiểu số; phát huy vai trò trưởng thôn, bản, người có uy tín, tổ chuyển đổi số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ số.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin theo hướng số hóa cơ sở dữ liệu về pháp luật, khai thác, sử dụng hiệu quả các trang fanpage xã hội, Zalo, Facebook, mã QR cộng đồng... để chia sẻ, kết nối các quy định về pháp luật tới đông đảo Nhân dân.

5. Quản lý và điều hành Chương trình

- Tổ chức thực hiện Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030 là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Tỉnh ủy; sự quản lý, điều hành thống nhất của UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, địa phương; đồng thời, phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Việc tổ chức thực hiện phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; đề cao tính chủ động, sáng tạo của cơ sở; bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, hiệu quả, thực chất và bền vững.

- Thu gọn đầu mối quản lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng; UBND tỉnh chủ động lập kế hoạch, huy động, bố trí và phân bổ chi tiết nguồn lực, tổ chức thực hiện bảo đảm theo lộ trình để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu hàng năm và cả giai đoạn; giao cho cấp xã đề xuất, quyết định và chịu trách nhiệm về một số nội dung đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh và lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Chương trình; tập trung xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để hỗ trợ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tạo việc làm, sinh kế cho người dân; quan tâm công tác giáo dục, y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng, xây dựng bổ sung hoàn thiện hệ thống trường dân tộc nội trú, bán trú, trường có học sinh bán trú ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh

Ban hành kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, điều hành thống nhất Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh. Chỉ đạo việc bố trí, phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình theo kế hoạch trung hạn và hằng năm; ưu tiên các địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách; tăng cường quản lý tài chính, đầu tư công, bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

Chỉ đạo các cơ quan, sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thực hiện; phân công rõ trách nhiệm, xác định tiến độ, lộ trình và chỉ tiêu cụ thể; đồng thời, chỉ đạo lồng ghép Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác trên địa bàn, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, giải pháp của Chương trình phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tổ chức thực hiện giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, điều hành, quản lý sử dụng vốn đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước, vốn đóng góp của Nhân dân; việc thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư công; phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, cộng đồng, người dân; những tác động tiêu cực đến môi trường.

3. Đảng ủy các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Đảng ủy các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai Chương trình tại cơ sở. Chỉ đạo UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương phù hợp với điều kiện thực tiễn; chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Chương trình; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng; khuyến khích tinh thần tự lực, tự cường, từng bước thay đổi "nếp nghĩ, cách làm", vươn lên thoát nghèo bền vững.

Thực hiện công tác quản lý, giám sát các dự án, công trình trên địa bàn, bảo đảm công khai, minh bạch trong sử dụng nguồn lực; thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn; kịp thời phản ánh, kiến nghị với cấp trên để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định và đột xuất khi có yêu cầu.

Giao Đảng ủy UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo những vướng mắc (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình này; tham mưu sơ kết Chương trình vào **tháng 6/2028**, tổng kết Chương trình vào **tháng 6/2030**.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Nguyễn Hồng Thái

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo,
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường,
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh,
- Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy MTTQ tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(báo cáo)